

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

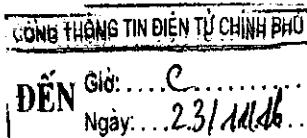
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77 /2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 11 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2007/QĐ.UBND ngày 04 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về tổ chức quản lý và khai thác các bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh An Giang



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1451/TTr-STC ngày 04 tháng 11 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ.UBND ngày 04 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định về tổ chức quản lý và khai thác các bến khách ngang sông trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Khoản 3 và khoản 5 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) “ 3. Đối với các bến đò liên tỉnh, liên huyện thì mỗi bên tổ chức đấu thầu theo thứ tự luân phiên hàng năm chung cho cả hai đầu bến, trên cơ sở thỏa thuận thống nhất của Ủy ban nhân dân liên huyện. Việc tổ chức đấu thầu 01 lần cho thời hạn khai thác từ 01 năm đến 05 năm tùy theo tình hình thực tế của mỗi bến đò do Chủ tịch Ủy ban nhân dân 02 huyện thỏa thuận quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Sở Tài chính.

Trường hợp cần thiết, do tình hình thực tế và điều kiện đặc thù của từng bến đò phải tổ chức đấu thầu cho thời hạn khai thác trên 05 năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo cụ thể về Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải để xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.”

b) “ 5. Việc tổ chức đấu thầu chỉ được thực hiện khi có ít nhất 02 hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu thầu đối với một bến đò.”

2. Khoản 1 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ 1. Lệ phí đấu thầu bằng 0,3% giá khởi đấu và không quá 3.000.000 đồng đối với mỗi đơn xin đấu thầu cho từng bến.”

3. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 14. Hình thức tổ chức đấu thầu

1. Việc đấu thầu được tổ chức theo hình thức bỏ phiếu kín do Hội đồng đấu thầu quy định.

2. Người trúng thầu là người có phiếu ghi số tiền cao nhất trong các phiếu hợp lệ và phải cao hơn giá khởi đấu theo đúng quy chế đấu thầu.

3. Trường hợp bên đò không có hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu thầu hoặc chỉ có 01 hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu thầu thì Hội đồng đấu thầu thông báo tổ chức đấu thầu lại. Sau 03 phiên đấu thầu, những bến đò không đảm bảo số lượng hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu thầu, Hội đồng đấu thầu đề xuất Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét giảm giá khởi đấu cho phù hợp và thông báo tổ chức đấu thầu tiếp tục.”

4. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 15. Trách nhiệm người trúng thầu

1. Trong thời gian khai thác bến đò phải tuân thủ các quy định đã ký kết trong hợp đồng khai thác.

Trường hợp đấu thầu quyền khai thác thời hạn 1 năm: người trúng thầu có trách nhiệm nộp số tiền còn lại (trừ số tiền đã đặt cọc) theo quy định của Hội đồng đấu thầu huyện và kết thúc chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 của năm khai thác thu phí.

Trường hợp đấu thầu quyền khai thác thời hạn từ 02 năm trở lên: người trúng thầu có trách nhiệm nộp số tiền trúng thầu hàng năm theo hợp đồng ký kết. Thời gian nộp tiền hàng năm chậm nhất đến ngày 30 tháng 6.

Nếu nộp trễ hạn, người trúng thầu phải nộp tiền phạt trên số tiền nộp trễ hạn theo số ngày nộp trễ so thời gian quy định. Mức tiền phạt được tính theo lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tại thời điểm phát sinh.

2. Ngoài ra người trúng thầu còn phải nộp các khoản thuế theo quy định được ngành thuế hướng dẫn cụ thể.

3. Các khoản bảo hiểm bắt buộc và tự nguyện theo quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính do người trúng thầu mua từ các công ty Bảo hiểm trên địa bàn tỉnh.

4. Người trúng thầu phải chịu trách nhiệm về mặt pháp lý trong suốt quá trình khai thác theo hợp đồng đã ký kết.”

5. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 16. Trường hợp hủy hợp đồng khai thác bến đò

1. Người trúng thầu khai thác các bến đò bị hủy hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về đảm bảo điều kiện an toàn vận chuyển hành khách, hàng hóa, phương tiện qua sông.

b) Tự ý nâng mức thu phí qua đò.

c) Vi phạm các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

2. Hủy hợp đồng trong trường hợp do yếu tố khách quan, bất khả kháng:

a) Do sự biến động dòng chảy hoặc các yếu tố tự nhiên khác dẫn tới không đảm bảo điều kiện an toàn.

b) Do quy hoạch giao thông hoặc quy hoạch xây dựng không cho phép tồn tại bến đò tại vị trí có bến đò đang khai thác sử dụng.”

6. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 17. Xử lý trường hợp hủy hợp đồng khai thác bến đò

1. Trường hợp hủy hợp đồng theo khoản 1 Điều 16 của quyết định này thì Hội đồng đấu thầu tổ chức đấu thầu lại cho các cá nhân, tổ chức khác. Người đã bị hủy hợp đồng nói trên không được tham gia đấu thầu lại.

2. Trường hợp hủy hợp đồng theo khoản 2 Điều 16 của quyết định này thì chính quyền địa phương xem xét, tính toán các biện pháp hỗ trợ người trúng thầu khai thác cho phù hợp. Nếu có khó khăn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.”

7. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 18. Trường hợp khác

1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng khai thác bến đò, người trúng thầu có quyền đề nghị với Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc tăng mức thu phí trong trường hợp giá cả thị trường về tiền công lao động, nhiên liệu biến động tăng từ 20% trở lên so với thời điểm duyệt mức thu phí nhưng phải đảm bảo trong khung giá quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trong trường hợp đặc biệt người trúng thầu có quyền đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét cho chuyển nhượng quyền khai thác bến đò và phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí và lệ phí theo quy định.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

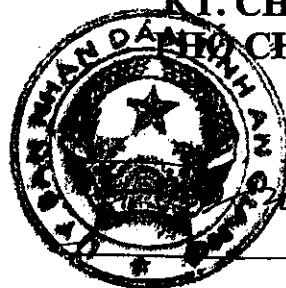
Nơi nhận: ✓

- Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ GTVT, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở: TC, GTVT; Cục Thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thị, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử An Giang;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban & Trung tâm;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng